

Bản án số: 455/2025/DS-PT

Ngày: 30 - 9 - 2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 về Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096088013942; cấp ngày: 12/10/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N; sinh năm: 1986 (có mặt)

Cư trú tại: Số C, L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096073007169; cấp ngày: 14/11/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Đặng Minh H2, sinh năm 1980 (có mặt)

Cư trú tại: số B, đường C, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là số B, đường C, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1973 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn và bà Nguyễn Hồng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:*

Ông H và gia đình có hoạt động nuôi tôm theo mô hình công nghệ cao. Để phục vụ việc nuôi và phòng trị bệnh cho tôm, gia đình, ông H mua thức ăn và thuốc từ công ty chuyên cung cấp vật tư thủy sản. Theo chính sách chiết khấu theo sản lượng của công ty, việc nhập thức ăn với số lượng lớn mang lại lợi thế về giá.

Ông H với ông H1 thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy sản. Theo đó ông H bán thức ăn tôm thẻ chân trắng và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông H1. Số tiền thanh toán được thực hiện dứt điểm vào cuối vụ tôm. Trong quá trình giao dịch, ông H1 trả tiền không đúng thỏa thuận. Đến ngày 14/4/2023, ông H1 ký xác nhận công nợ với số tiền là 766.001.000 đồng, đã đối trừ tiền chiết khấu với số tiền là 85.000.000 đồng. Tuy nhiên, khoản nợ thực tế của ông H1 là 681.001.000 đồng. Nay ông H yêu cầu ông H1 trả số tiền là 681.001.000 đồng, lãi từ ngày 14/4/2023 đến ngày 16/6/2025 là 26 tháng, tương đương số tiền là $(681.001.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 26 \text{ tháng} = 147.900.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 884.484.099 đồng. Số tiền thuốc thủy sản là 17.675.000 đồng. Tiền vay, mượn số tiền là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền các khoản là 876.575.000 đồng.

Ông Đặng Minh H2 trình bày: Hai bên có giao dịch mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản từ năm 2017. Khi ông H2 mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản từ ông H có thỏa thuận miêng chiết khấu 20%. Trong quá trình hợp tác, sau mỗi vụ tôm ông H2 có thanh toán tiền cho ông H, nhưng ông H không tính tiền chiết khấu nên ông H2 có nợ lại ông H một số tiền. Số nợ ông H yêu cầu là tổng số nợ của nhiều vụ tôm. Khi ông H2 yêu cầu ông H chiết khấu thì có lần ông H chiết khấu cho ông H2 08%. Nay ông H2 còn nợ ông H số tiền là 681.001.000 đồng + tiền thuốc thủy sản 17.675.000 đồng + tiền mượn 30.000.000 đồng và không đồng ý trả số tiền 681.001.000 đồng + tiền thuốc thủy sản 17.675.000 đồng, đồng ý trả số tiền mượn là 30.000.000 đồng.

Ông H2 yêu cầu anh H trả tiền chiết khấu từ năm 2017 đến năm 2023 với số tiền là 928.202.000 đồng.

Bà Nguyễn Hồng T trình bày: Bà thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông H2.

Tại phiên tòa:

- Bà N yêu cầu ông H2 trả lại tài sản là số tiền vốn 681.001.000 đồng, tiền thuốc là 17.675.000 đồng và tiền vay với số tiền là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Bà N không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ông H2 không đồng ý trả cho ông H số tiền vốn là 681.001.000 đồng, tiền thuốc là 17.675.000 đồng. Ông H2 đồng ý trả số tiền vay là 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu ông H trả tiền chiết khấu với số tiền là 928.202.000 đồng.

- Bà T đồng ý với yêu cầu của ông H2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng H.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Hoàng H số tiền là 728.676.000 đồng (B trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Lâm Hoàng H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Hồng T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H1, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi suất chậm trả là 147.900.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu ông Lâm Hoàng H phải có nghĩa vụ trả khoản tiền chiết khấu là 928.202.000 đồng (Chín trăm hai mươi tám triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 14/7/2025 ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T có đơn kháng cáo huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, đối với việc buộc vợ chồng ông H1 và bà T trả số tiền cho ông H là 698.676.000 đồng; Áp dụng thời hiệu khởi kiện, đình chỉ yêu cầu của ông H đối với số tiền buộc vợ chồng tôi phải trả là 698.676.000 đồng và buộc ông H phải trả tiền chiết khấu 20% cho vợ chồng chúng tôi trên tổng số tiền hàng hoá vợ chồng chúng tôi đã mua của ông H từ năm 2017 đến năm 2023 là 928.202.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đặng Minh H2 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bà Nguyễn Hồng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Đặng Minh H2 trình bày: Mọi quan hệ tranh chấp là Hợp đồng mua bán chứ không phải là đòi tài sản, do đó đã hết thời hiệu khởi kiện; Chiết khấu 20% nhưng các sổ ghi nợ không thể hiện có chiết khấu, đề nghị Hội đồng xét xử hủy 01 phần bản án sơ thẩm, không buộc ông H2 và bà T trả tiền; yêu cầu ông H trả chiết

khấu 20% trên tổng số tiền mua hàng.

Bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn và bà Nguyễn Hồng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn và bà Nguyễn Hồng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét các yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại đơn phản tố của ông Nguyễn Văn H1, được ký ngày 02/6/2025, ông H1 trình bày: "...Vào năm 2017, ông Lâm Hoàng H có đến gặp vợ chồng tôi nói là hiện nay có Công ty chuyên cung cấp vật tư thủy sản phục vụ cho việc nuôi tôm có chính sách chiết khấu (hưởng phần trăm) đối với việc mua số lượng lớn vật tư thủy sản (thức ăn tôm và thuốc điều trị,...). Vì vậy, ông H muốn lấy số lượng lớn về sử dụng và bán lại kiếm lời, nếu chúng tôi đồng ý mua hàng của ông H theo giá thị trường thì ông H sẽ cho chúng tôi hưởng 20% trên tổng số tiền vợ chồng tôi mua hàng của ông H. Do trước giờ vợ chồng tôi mua vật tư thủy sản nơi khác cũng mua theo giá thị trường nhưng không có được hưởng chiết khấu như ông H nói nên vợ chồng tôi đồng ý thỏa thuận với ông H. Việc thỏa thuận mua bán này thì hai bên không có lập thành hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau..." (bút lục 28).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu N là đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Hoàng H xác định ông H chỉ thỏa thuận chiết khấu 02% cho ông H1. Sau đó thấy ông H1 có ý định mua thức ăn nơi khác nên ông H chiết khấu cho ông H1 08%. Từ trước đến nay ông H không có thỏa thuận chiết khấu 20% cho ông H1.

Như vậy, với nội dung trên, ông H1 trình bày là chiết khấu 20% nhưng không có gì chứng minh cho lời trình bày của ông H1 là có căn cứ, phía ông H không thừa nhận có thỏa thuận chiết khấu 20%. Do đó không có căn cứ xác định đôi bên có thỏa thuận chiết khấu 20% như ông H1 trình bày.

[2.2] Cũng tại Đơn phản tố của ông Nguyễn Văn H1, được ký ngày 02/6/2025, ông H1 trình bày: "... Đến tháng 05/2023, vợ chồng tôi kết thúc mua

bán thức ăn với ông H và yêu cầu đối chiếu công nợ để vợ chồng tôi đi mua thức ăn chỗ khác”.

Tổng doanh thu sau 11 vụ là: 5.385.510.000 đồng.

Chiết khấu 20% ông H chưa tính với chúng tôi: 5.385.510.000 đồng x 20% = 1.077.102.000 đồng

Số tiền chiết khấu đã tính với chúng tôi 8%: 104.400.000 đồng

Số tiền chiết khấu giảm giá thức ăn: 1.500đ/kg, thành tiền là 44.500.000 đồng.

Tổng số tiền chiết khấu ông H chưa thanh toán cho vợ chồng tôi là: 928.202.000 đồng (1.077.102.000 đồng - 104.400.000 đồng - 44.500.000 đồng).

Tổng số tiền nợ vợ chồng tôi còn thiếu của ông H từ năm 2017 đến tháng 5/2023 là 698.676.000 đồng.

Sau nhiều lần nhắc đối chiếu, ông H nói chỉ đồng ý chuyển thêm cho vợ chồng tôi 02% chiết khấu nên vợ chồng tôi không đồng ý, sau đó lên 10% vợ chồng tôi cũng không đồng ý, vợ chồng tôi yêu cầu thực hiện như thỏa thuận là 20%. Sau đó thời gian ông H nói ngang với vợ chồng tôi là trước giờ không có chuyện hứa chiết khấu 20% và yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền còn nợ, vợ chồng tôi không đồng ý nên ông H cho hay sẽ yêu cầu cơ quan thẩm quyền giải quyết.

Nay tôi làm đơn phản tố này kính đến quý Tòa để yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi các vấn đề sau:

Buộc ông Lâm Hoàng H phải trả tiền chiết khấu 20% cho vợ chồng tôi, trên tổng số tiền hàng hóa vợ chồng tôi đã mua của ông H từ năm 2017 đến năm 2023 là 928.202.000 đồng.

Đổi trừ với số tiền vợ chồng tôi còn nợ ông H là 728.676.000 đồng (trong đó tiền vật tư thủy sản là 698.676.000 đồng, tiền mượn là 30.000.000 đồng). Ông Lâm Hoàng H phải thanh toán cho vợ chồng tôi số tiền còn lại là: 229.526.000 đồng” (bút lục 27)

Như vậy, với lời trình bày nêu trên, ông H1 thừa nhận ông H đã tính chiết khấu 8% là 104.400.000 đồng và số tiền chiết khấu giảm giá thức ăn là 1.500đ/kg, thành tiền là 44.500.000 đồng. Tổng cộng ông H đã thanh toán chiết khấu cho ông H1 số tiền là 148.900.000 đồng (trong đó tiền nợ mua hàng 681.001.000 đồng, tiền thuốc thủy sản là 17.675.000 đồng, tiền mượn là 30.000.000 đồng). Đồng thời ông H1 cũng thừa nhận còn nợ ông H tổng số tiền là 728.676.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn xác định ông H1 có nhận chuyển khoản tổng cộng số tiền là 123.090.000 đồng theo thể hiện tại bút lục 189, ngoài ra còn những lần chuyển khoản khác bị đơn không nhớ.

Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Văn H1 tại đơn phản tố khác với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa.

Do đó, có căn cứ xác định các bên đã tính chiết khấu với nhau, có lần ghi sổ, có lần không ghi sổ. Đến ngày 27/4/2022 đôi bên ký xác nhận công nợ, được bị đơn thừa nhận tại biên bản hòa giải và tại đơn phản tố. Sau khi tính toán với nhau, đôi bên xác định nợ với số tiền là 889.091.000 đồng, trừ chiết khấu với số tiền là

123.090.000 đồng, còn nợ số tiền là 766.001.000 đồng và ông Nguyễn Văn H1 ký nhận công nợ là 766.001.000 đồng, sau đó ông Nguyễn Văn H1 trả 85.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 681.001.000 đồng (bút lục 188, 189).

[2.4] Về thời hiệu khởi kiện:

Với việc ông H1 ký xác nhận công nợ vào ngày 27/4/2022 và quá trình thu thập chứng cứ thì ông H1 cũng thừa nhận còn nợ ông H tổng số tiền là 728.676.000 đồng, như vậy, việc mua bán giữa ông H và ông H1 không có tranh chấp số tiền mua hàng mà đã kết nợ xong. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa ông H và ông H1 là đòi lại tài sản, là có căn cứ. Theo quy định của pháp luật thì khởi kiện đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu.

[3] Từ những căn cứ và nhận định trên, cho thấy bản án sơ thẩm đã buộc ông H1 và bà T liên đới trả cho ông H số tiền là 728.676.000 đồng, là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí trên số tiền phải trả, số tiền án phí là 33.147.000 đồng và phải chịu án phí trên số tiền phạt tố không được chấp nhận là 39.846.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T mỗi người phải chịu 300.000 đồng có dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng H.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Hoàng H số tiền là 728.676.000 đồng (B trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Lâm Hoàng H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Hồng T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H1, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất

chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi suất chậm trả là 147.900.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu ông Lâm Hoàng H phải có nghĩa vụ trả khoản tiền chiết khấu là 928.202.000 đồng (Chín trăm hai mươi tám triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng).

5. Án phí dân sự:

5.1. Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Lâm Hoàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H số tiền là 19.982.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001074 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 33.147.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 39.846.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.923.000 đồng theo biên lai số 0001252 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; Ông Nguyễn Văn H1 còn phải nộp số tiền là 19.923.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15/7/2025 ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Hồng T mỗi người có dự nộp số tiền là 300.000 đồng, theo các biên lai số 0011842, 0011843 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung

Ninh Quang Thế

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh